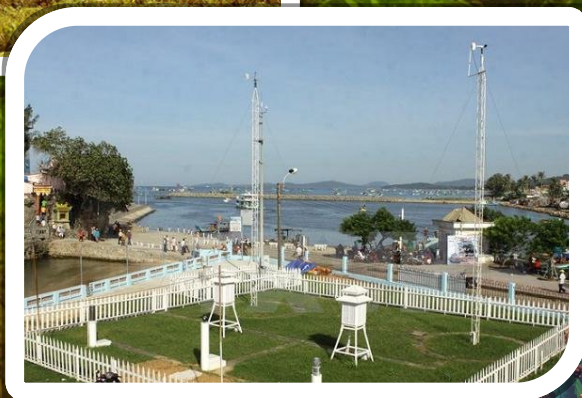




VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐÔNG KHÍ HẬU
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP SỐ THÁNG 10 NĂM 2025



MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC VIẾT TẮT	2
GIỚI THIỆU.....	3
PHẦN I.....	4
ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP VÀ CÂY TRỒNG	4
TỪ NGÀY 1 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 10 NĂM 2025	4
1.1. Điều kiện khí tượng nông nghiệp.....	4
1.2. Sinh trưởng và sâu bệnh hại đối với một số cây trồng	6
1.3. Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng	8
PHẦN II.	11
DỰ BÁO ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP TỪ THÁNG 11 ĐẾN THÁNG 1 NĂM 2026.....	11
2.1. Xu thế khí hậu từ tháng 11 đến tháng 1 năm 2026.....	11
2.2.1. Rủi ro đối với cây trồng	12
2.2.2. Rủi ro đối với vật nuôi	16
PHẦN III.	19
KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG 11 ĐẾN THÁNG 1 NĂM 2026	19

DANH MỤC VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	Ý NGHĨA
BTB	Bắc Trung Bộ
DHNTB	Duyên hải Nam Trung Bộ
ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐNB	Đông Nam Bộ
ENSO	Dao động Nam (El Niño-Southern Oscillation)
KTNN	Khí tượng nông nghiệp
NB	Nam Bộ
TN	Tây Nguyên
Rx1day	Lượng mưa một ngày lớn nhất
SXNN	Sản xuất nông nghiệp
SGN	Số giờ nắng
SNM	Số ngày mưa
STNN	Sinh thái nông nghiệp
SVGH	Sinh vật gây hại
TBNN	Trung bình nhiều năm
TDMNPB	Trung du và miền núi phía Bắc
THI	Chỉ số nhiệt- ẩm (Temperature humidity index)
TLM	Tổng lượng mưa
Tx	Nhiệt độ tối cao
Tm	Nhiệt độ tối thấp
XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

GIỚI THIỆU

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng Nông nghiệp – Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu định kỳ xuất bản bản tin “**Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp**” hàng tháng, nhằm cung cấp thông tin cập nhật và hỗ trợ kịp thời cho sản xuất nông nghiệp trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp

Bản tin được xây dựng trên cơ sở tổng hợp và phân tích số liệu từ các nguồn dữ liệu, tài liệu chuyên ngành:

- Dữ liệu quan trắc khí tượng nông nghiệp từ mạng lưới trạm khí tượng trên toàn quốc do Cục Khí tượng Thủy văn cung cấp;
- Thông tin về sinh trưởng cây trồng, tình hình sâu bệnh và sản xuất nông nghiệp từ Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Các kết quả phân tích, dự báo khí hậu từ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu.

Bản tin tháng 10/2025 gồm ba phần chính:

- Phần I – Điều kiện khí tượng nông nghiệp và cây trồng từ ngày 1 đến ngày 20 tháng 10 năm 2025.
- Phần II – Dự báo điều kiện khí tượng nông nghiệp và rủi ro đến sản xuất nông nghiệp từ tháng 11 đến tháng 1 năm 2026.
- Phần III – Khuyến nghị sản xuất nông nghiệp từ tháng 11 đến tháng 1 năm 2026.

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng Nông nghiệp trân trọng giới thiệu bản tin tháng 10/2025, với kỳ vọng hỗ trợ hiệu quả cho công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng lực thích ứng và giảm thiểu rủi ro thiên tai trong lĩnh vực nông nghiệp.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU
KHÍ TƯỢNG
NÔNG NGHIỆP



Nguyễn Đăng Mậu

PHẦN I.

ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP VÀ CÂY TRỒNG TỪ NGÀY 1 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 10 NĂM 2025

1.1. Điều kiện khí tượng nông nghiệp

Từ ngày 1 đến ngày 20 tháng 10 năm 2025, thời tiết trên cả nước có nhiều biến động ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp:

- Nhiệt độ: tuần 1 và tuần 2 tháng 10 nền nhiệt không có nhiều biến động dao động phổ biến từ 24,0°C đến 26,0°C, đặc biệt khu vực từ TDMNPB, ĐBSH nền nhiệt giảm mạnh so với tháng trước từ 2-4°C.

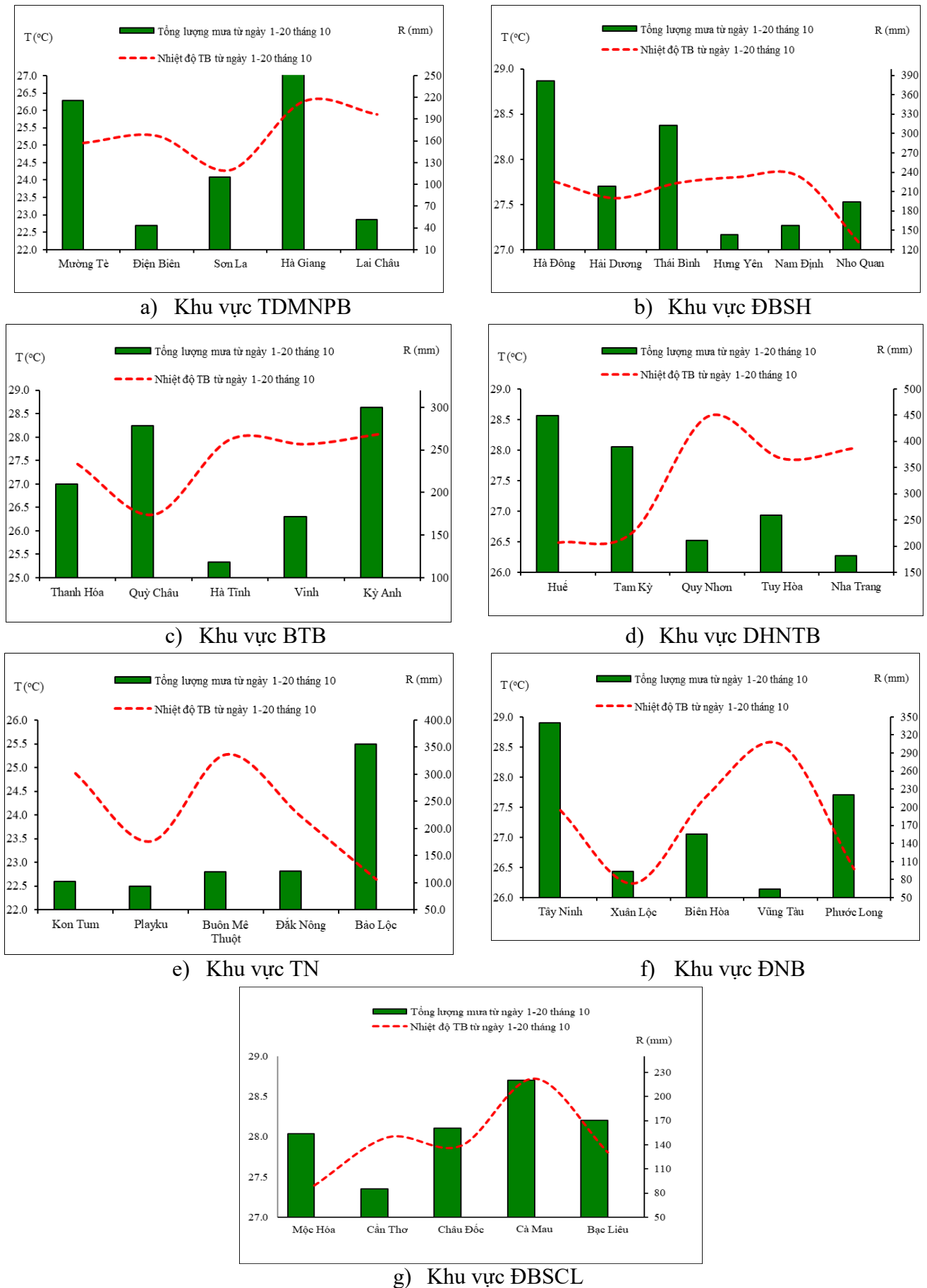
- Lượng mưa: Lượng mưa tuần 1 tháng 10 phân bố không đều trên phạm vi cả nước, khu vực TDMNPB lượng mưa nhiều tập chung tại một số trạm Mường Tè, Hà Giang, Tuyên Quang với lượng mưa từ 212,7-355,4 mm và đặc biệt là Thái Nguyên (555,4mm) mưa lớn đã gây ngập lụt nghiêm trọng. Khu vực ĐBSH lượng mưa phân bố không đều, mưa nhiều tập trung tại khu vực Hà Nội với trạm Hà Đông (271,2mm), một số tỉnh có lượng mưa rất thấp dao động từ 11-44,4 mm như tại trạm Thái Bình, Phủ Lý, Nam Định. Tuy nhiên sang đến tuần 2 tháng 10 tại khu vực ĐBSH lượng mưa tại các tỉnh này có xu hướng tăng mạnh như Thái Bình (299,6mm), Văn Lý (198,3mm) (Hình 1).

Khu vực Trung Bộ có lượng mưa phổ biến từ 100-150mm, mưa kéo dài đặc biệt tại tỉnh Thanh Hóa (trạm Tĩnh Gia) tuần 1 và tuần 2 lượng mưa đều trên 200mm. Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ lượng mưa dao động phổ biến từ 60mm – 120mm. Các trạm thuộc tỉnh Tây Nguyên lượng mưa tuần 2 có xu hướng giảm so với tuần 1 từ 50-100mm.

- Điều kiện khí tượng bất lợi với sản xuất nông nghiệp:

+ Bão/ATNĐ: chỉ trong tháng 9 và đầu tháng 10, Việt Nam đã liên tiếp hứng chịu 5 cơn bão, trong đó bão số 9 (Ragasa), số 10 (Bualoi) và số 11 (Matmo) gây thiệt hại nặng nề tại các tỉnh miền Bắc và miền Trung.

+ Mưa lớn: Cuối tháng 9, Cơn bão Bualoi không chỉ gây gió mạnh mà còn gây mưa rất lớn với tổng lượng mưa phổ biến từ 200-400mm, nhiều nơi trên 600mm, Đầu tháng 10 cơn bão Matmo được hình thành khi đến Việt Nam mang lượng mưa cực lớn và gây ngập lụt nghiêm trọng dẫn đến lũ, ngập và sạt lở đặc biệt ở vùng ĐBSH, miền núi và ven biển. lượng mưa phổ biến từ 200-400mm, nhiều nơi trên 500mm. Một số khu vực như Thái Nguyên Đông Bắc Bộ ghi nhận 250-450mm, cục bộ vượt 550mm. (Hình 4).



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng từ ngày 1/10/2025 đến ngày 20/10/2025 tại một số trạm khí tượng tiêu biểu cho các vùng sinh thái nông nghiệp

1.2. Sinh trưởng và sâu bệnh hại đối với một số cây trồng

Tình hình sinh trưởng cây trồng (Bảng 2):

- Miền Bắc: Lúa vụ mùa đang ở giai đoạn thu hoạch
- Bắc Trung Bộ: Lúa vào giai đoạn thu hoạch.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của mưa lớn, nhiều diện tích tại các tỉnh thuộc khu vực ĐBSH, Thanh Hóa bị đổ ngã, ngập úng.

Tây Nguyên: Lúa vào giai đoạn chín thu hoạch

- Nam Bộ và ĐBSCL: Lúa đang ở giai đoạn làm đòng và trổ bông.

Tình hình sâu bệnh hại (Bảng 3):

- Trên cây lúa: Bên cạnh các loại dịch hại thường gặp như đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông, sâu cuốn lá, xuất hiện thêm các đối tượng nguy hiểm như đạo ôn cổ bông, sâu đục thân, đen lép hạt, ốc bươu vàng và sâu cuốn lá và chuột – gây ảnh hưởng nghiêm trọng, đặc biệt tại khu vực ĐBSH, Bắc Trung Bộ.

- Trên cây ngô: Ghi nhận sâu keo mùa thu xuất hiện rải rác tại một số tỉnh miền núi và duyên hải.

- Trên cây thanh long: Bệnh đốm nâu phát sinh tại nhiều vùng trồng trọng điểm như Lâm Đồng, Đồng Tháp, TP. HCM, ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng quả.

- Trên cây cà phê (Tây Nguyên): Tiếp tục chịu ảnh hưởng của bệnh khô cành và gỉ sắt, đe dọa quá trình phát triển quả và sinh trưởng cây.

Bảng 2. Hiện trạng giai đoạn sinh trưởng của một số loại cây trồng

Vùng sinh thái	Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng
TDMNPB	Lúa	Chín – Thu hoạch
	Ngô	Thu hoạch
ĐBSH	Lúa	Thu hoạch xong
BTB	Lúa	Thu hoạch xong
	Lạc	Phát triển củ - Thu hoạch
DHNTB	Lúa	Thu hoạch xong
	Thanh long	Chăm sóc - Thu hoạch
TN	Lúa	Chín - Thu hoạch
	Cà phê	Nuôi quả - Chín
ĐNB	Lúa	Làm Đòng - trổ bông
	Thanh long	Chăm sóc, phát triển thân lá
ĐBSCL	Lúa	Làm Đòng - trổ bông

(Nguồn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, tháng 10/2025)

Bảng 3. Tình hình sâu bệnh hại ở một số cây trồng chính

Cây trồng	Loại dịch bệnh	Diện tích nhiễm (ha)	Diện tích đã phòng trừ (ha)	Tình trạng nhiễm nặng (ha)	Phân bố chủ yếu
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	5.028	4.832	3	Lâm Đồng, Khánh Hoà, Vĩnh Long, Tây Ninh, An Giang, Cần Thơ, Hồ Chí Minh, Đồng Tháp
	Bệnh đạo ôn cổ bông	3.422	4.006	-	Bắc Ninh, Sơn La, Lào Cai, Lâm Đồng, Vĩnh Long, An Giang, Đồng Tháp, Cà Mau, Cần Thơ, Tây Ninh
	Sâu cuốn lá nhỏ	1.132	1.132	-	Lâm Đồng, Vĩnh Long, Tây Ninh, Cần Thơ, Hồ Chí Minh
	Rầy hại lúa	2.732	2.499	265	Ninh Bình, Tây Ninh, Bắc Ninh, Lâm Đồng, Đắk Lắk, An Giang, Đồng Tháp, Hồ Chí Minh
	Sâu đục thân 2 chấm	860	1.714	-	Hải Phòng, Lâm.Đồng, Khánh Hoà, Gia Lai, Cần Thơ, Tây Ninh, Hồ Chí Minh, An Giang
	Bệnh bạc lá	8.627	4.702	598	Ninh Bình, Quảng Ninh, Điện Biên, Thanh Hóa Lâm Đồng, An Giang, Vĩnh Long, Cà Mau, Cần Thơ, Tây Ninh, Đồng Tháp
	Bệnh đen lép hạt	6.864	6.407	10	Bắc Ninh, Điện Biên, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Lâm Đồng, Đắk Lắk, An Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Cà Mau, Tây Ninh
	Ốc bươu vàng	7.256	5.016	-	Lâm Đồng, Khánh Hoà, Tây Ninh, Cà Mau, Cần Thơ, Hồ Chí Minh, An Giang
	Chuột	4.605	2.889	45	Điện Biên, Quảng Ninh, Hà Nội, Nghệ An, Lâm Đồng, Khánh Hoà, An Giang, Cà Mau, Vĩnh Long, Tây Ninh, Cần Thơ, Hồ Chí Minh
Ngô	Sâu keo mùa thu	284	461	-	Hung Yên, Lai Châu, Thái Nguyên, Hải Phòng, Bắc Ninh, Lào Cai, Nghệ An, Hà Tĩnh, Lâm Đồng, Khánh Hoà, Đắk Lắk, TP. Hồ Chí Minh, An Giang
Thanh long	Bệnh đốm nâu	4.254	3.429	85	Lâm Đồng, Tây Ninh, Đồng Tháp, Tp. Hồ Chí Minh
Cà phê	Bệnh khô cành	4.136	3.072	-	Điện Biên, Quảng Trị, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Đồng Nai

	Bệnh gỉ sắt	3.764	5.954	1	Điện Biên, Sơn La, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Đồng Nai
--	-------------	-------	-------	---	---

Nguồn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, tháng 10/2025

1.3. Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng

a. Đền cây trồng

- Thiếu nước và khô hạn: Tại vùng ĐBSH ngoại trừ trạm Sơn Tây phần lớn vùng ĐBSH và toàn bộ vùng ĐBSCL đều đáp ứng được nhu cầu nước cho cây lúa (Bảng 4).

- Chênh lệch nhiệt độ ngày và đêm lớn – độ ẩm lớn: Chênh lệch nhiệt độ ngày đêm lớn kết hợp với độ ẩm không khí cao về đêm tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều loại sâu bệnh phát triển mạnh, đặc biệt là rầy nâu, đạo ôn và sâu cuốn lá nhỏ ở cả miền Bắc và miền Nam.

- Bão và ATNĐ xuất hiện nhiều hơn gây ảnh hưởng trực tiếp đến cây trồng dễ bị gãy đổ, mất mùa, đặc biệt với lúa đang chín, cà phê, hồ tiêu, cây ăn quả.

- Mưa lớn: Tình hình mưa lớn đặc biệt tại khu vực TDMNPB, ĐBSH, Trung Bộ làm xuất hiện tình trạng lũ lụt, lũ quét ngập úng gây thối đòng, thối cây, giảm năng suất trên diện tích lúa, hoa màu và diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại nghiêm trọng.

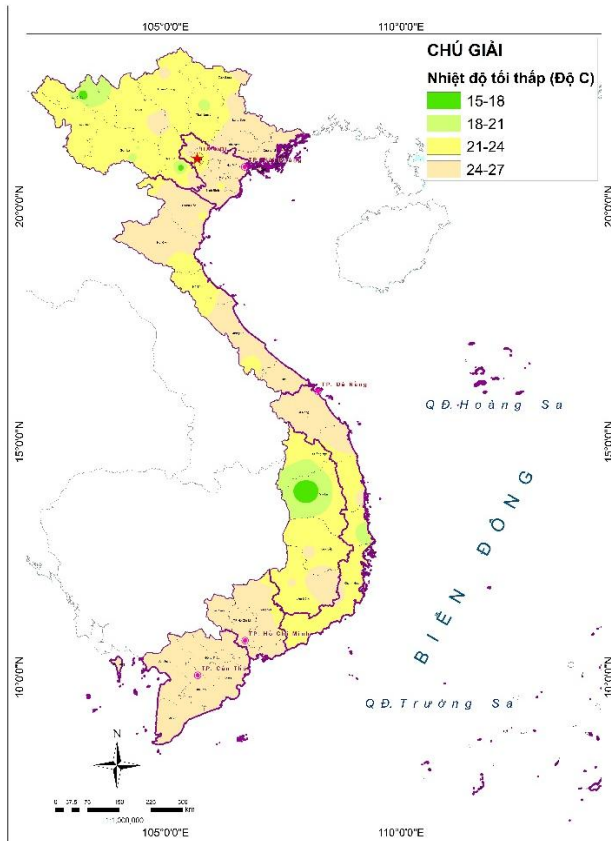
- Bão/ATNĐ: Con bão Bualoi có phạm vi ảnh hưởng rộng hơn ở cả miền Trung và Bắc vì vậy đã gây tổn thất rất lớn về diện tích trồng trọt và thủy sản cụ thể khoảng 48.714 ha lúa và các cây trồng khác bị ngập hoặc hư hỏng, thiệt hại khoảng 13.334 ha thủy sản, khoảng 383.091 con gia súc và gia cầm bị chết hoặc trôi. Còn đối với cơn bão Matmo cũng đã gây thiệt hại nghiêm trọng nhưng tập trung hơn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ với rất nhiều vùng trồng trọt bị ngập sâu. Theo thông báo từ Cơ quan Quản lý Đê Điều & PCTT khoảng 22.579 ha lúa và cây trồng bị ngập/hư hại.

Bảng 4. Mức độ thiếu/thừa nước tự nhiên đối với nhu cầu nước của cây lúa từ ngày 1-20 tháng 10/2025

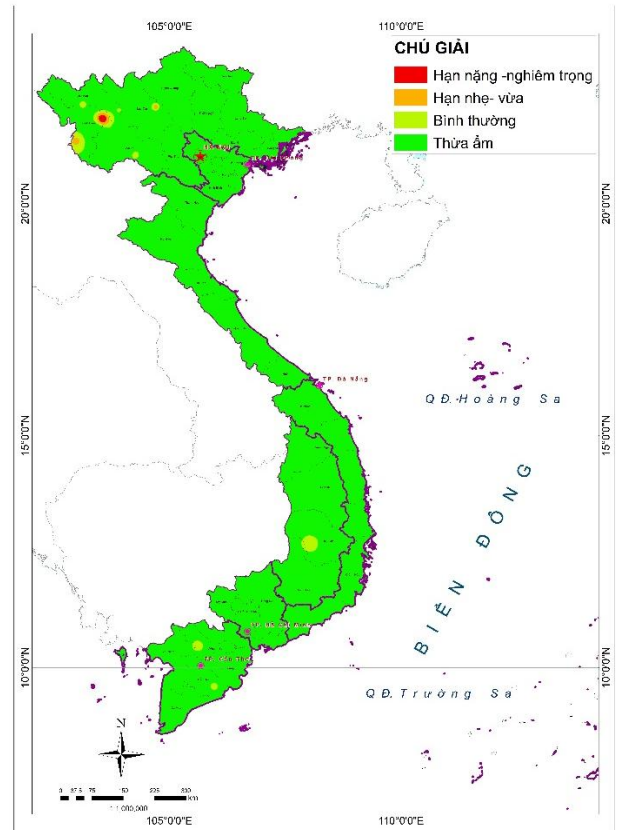
Vùng sinh thái	Điểm/trạm	Nhu cầu nước của cây lúa (mm)	Lượng mưa thực tế (mm)	Thiếu (-)/thừa (+) nước so với nhu cầu (mm)
ĐBSH	Sơn Tây	120.2	109.7	-10.51
	Hà Đông	121.2	381.2	260
	Hải Dương	129.1	218.3	89.21
	Hưng Yên	122.4	143.5	21.12
	Nam Định	124.9	157.7	32.77
	Văn Lý	134.2	211.7	77.5
	Nho Quan	122.9	193.5	70.59
	Ninh Bình	125.5	206.7	81.23
	Thái Bình	123.9	312.1	188.24
ĐBSCL	Mộc Hóa	Trồng vụ	154.1	154.1
	Mỹ Tho		113.0	113.0
	Cao Lãnh		193.5	193.5
	Càng Long		74.7	74.7
	Châu Đốc		160.9	160.9
	Cần Thơ		85.1	85.1
	Sóc Trăng		197.5	197.5
	Rạch Giá		199.2	199.2
	Bạc Liêu		170.5	170.5

b. Đến vật nuôi

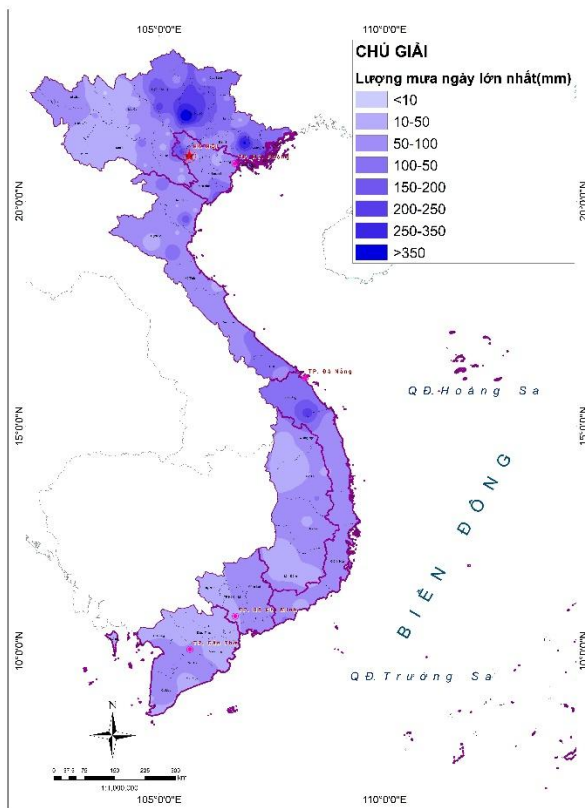
Kết quả tính toán chỉ số THI cho thấy, điều kiện khí hậu trong nửa đầu tháng 10 gây ảnh hưởng nhẹ đối với vật nuôi trên cả nước. Cụ thể, THI cao cho thấy độ ẩm cao, mưa nhiều làm giảm khả năng tiêu hóa thức ăn, dễ bùng phát các dịch bệnh về đường tiêu hóa cho gia súc và gia cầm trên toàn quốc (Hình 5).



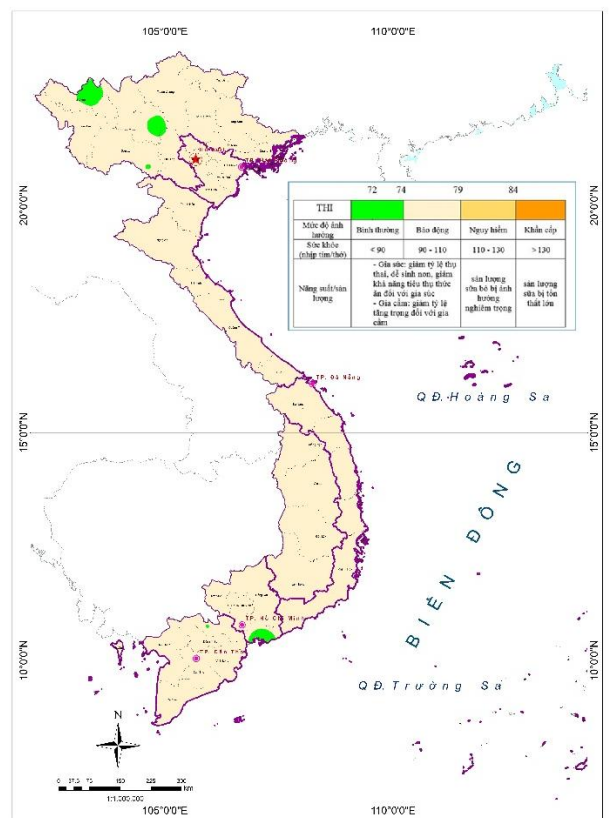
Hình 2. Nhiệt độ tối thấp trung bình (Tm) từ ngày 1-20 tháng 10/2025



Hình 3. Điều kiện khô hạn/ẩm ướt theo chỉ số hạn nông nghiệp từ ngày 1-20 tháng 10/2025



Hình 4. Lượng mưa ngày lớn nhất từ ngày 1-20 tháng 10/2025



Hình 5. Chỉ số nhiệt-ẩm (THI) trung bình từ ngày 1-20 tháng 10/2025

PHẦN II.

DỰ BÁO ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP TỪ THÁNG 11 ĐẾN THÁNG 1 NĂM 2026

2.1. Xu thế khí hậu từ tháng 11 đến tháng 01 năm 2026

Theo bản tin “Thông báo và dự báo khí hậu” số tháng 10/2025 (Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu) cho thấy:

1) Hoạt động của ENSO:

- Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương phản ánh ENSO đang ở trạng thái La Niña. Dự báo trạng thái La Niña có khả năng duy trì trong mùa 3 tháng 11-01 năm 2025/2026 với xác suất khoảng 60-70%.

(2) Gió mùa:

- Cường độ GMMĐ có khả năng xấp xỉ đến mạnh hơn TBNN.

(3) Nhiệt độ:

- Trong mùa 3 tháng 11-01 năm 2025/2026, nhiệt độ có khả năng thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa đến TP.Huế; xấp xỉ TBNN ở Cao nguyên Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

(4) Lượng mưa:

- Trong mùa 3 tháng 11-01 năm 2025/2026, TLM có khả năng thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ; xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở khu vực từ Thanh Hóa đến TP.Huế và Cao nguyên Trung Bộ; cao hơn TBNN ở Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Đề phòng các đợt mưa lớn xảy ra gây ngập lụt nghiêm trọng cho khu vực Trung Bộ.

(5) Hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan:

- Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ): Trong mùa 3 tháng 11-01 năm 2025/2026, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam (đặc biệt khu vực Trung Bộ) có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN (TBNN: 2-3 cơn trên Biển Đông và 1-2 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

- Điều kiện khô hạn: Mùa khô 2025/2026 (Đông Xuân) ở Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ khả năng xấp xỉ đến muộn hơn so với TBNN. Khả năng xuất hiện các đợt mưa trái mùa làm giảm bớt điều kiện khô hạn trên khu vực.2.2. Rủi ro khí hậu đến từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2025

2.2.1. Rủi ro đối với cây trồng

a) Tình hình khô hạn/ẩm ướt theo chỉ số hạn nông nghiệp

+ Dự báo từ tháng 11/2025, Khu vực Bắc Bộ có nguy cơ khô hạn tại khu vực phía Tây Bắc, ĐBSH. Tháng 12 hạn xuất hiện và có xu hướng mở rộng trên toàn bộ miền Bắc và khu vực Bắc Trung Bộ. Đối với khu vực Nam Bộ hạn mở rộng tại các tỉnh thuộc khu vực ĐBSCL. Tháng 1 đối với khu vực Nam Bộ hạn có xu hướng gia tăng về mức độ và mở rộng trên toàn bộ khu vực Nam Bộ và một phần khu vực Tây Nguyên. Tuy nhiên theo dự báo xu thế khí hậu mùa khô 2025/2026 (Đông Xuân) ở Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ khả năng xấp xỉ đến muộn hơn so với TBNN. Khả năng xuất hiện các đợt mưa trái mùa làm giảm bớt điều kiện khô hạn trên khu vực ĐBSCL” (Hình 6).

b) Tình hình thiếu/thừa nước đối với cây lúa

+ Dự báo từ tháng 11/2025, Phần lớn khu vực Bắc Bộ nhu cầu nước đáp ứng đủ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp chỉ có một số trạm như Ninh Bình, Sơn Tây, Hải Dương có nguy cơ thiếu nước đối với lúa. Khu vực ĐBSCL đáp ứng đủ nước cho cây lúa.

+ Đến tháng 12, Nhu cầu nước cho cây lúa vẫn đáp ứng được hầu hết khu vực ĐBSH còn đối với ĐBSCL xu hướng hạn tăng lên, lượng nước không đáp ứng được cho cây lúa.

+ Đến tháng 1, lượng mưa giảm tại khu vực ĐBSH một số nơi có nguy cơ hạn nhẹ không đáp ứng đủ nước đối với cây lúa. Đối với ĐBSCL có nguy cơ xuất hiện khô hạn nặng, lượng nước không đáp ứng đủ cho cây lúa. (Bảng 5).

c) Rủi ro sâu bệnh hại

Thời tiết thay đổi, chênh lệch nhiệt độ ngày đêm lớn tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều dịch hại phát sinh và gây hại trên diện rộng:

- Lúa:

- Miền Bắc: Ốc bươu vàng, chuột hại tăng; rầy nâu – rầy lưng trắng, sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn.
- Bắc Trung Bộ: Ốc bươu vàng, chuột, sâu cuốn lá nhỏ, rầy, bọ trĩ.
- DHNTB&TN: Bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, đạo ôn lá, khô vằn, đen lép thối hạt.
- Nam Bộ: Rầy nâu, đạo ôn, bạc lá, đen lép hạt.

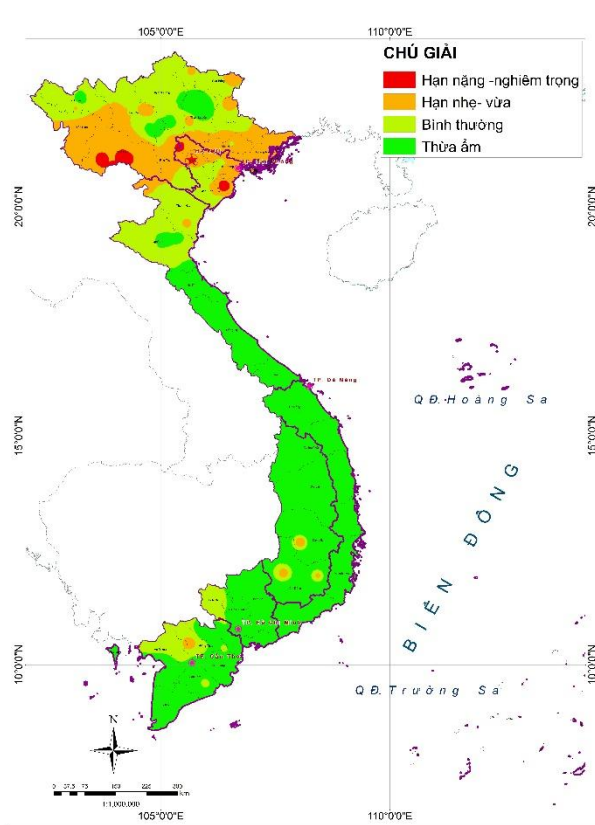
- Ngô: Sâu keo mùa thu, sâu ăn lá, bệnh đốm lá, Sâu đục thân đục bắp, bệnh gỉ sắt, bệnh khô vằn.

- Thanh long: Đốm nâu, rệp sáp, thán thư, ốc.

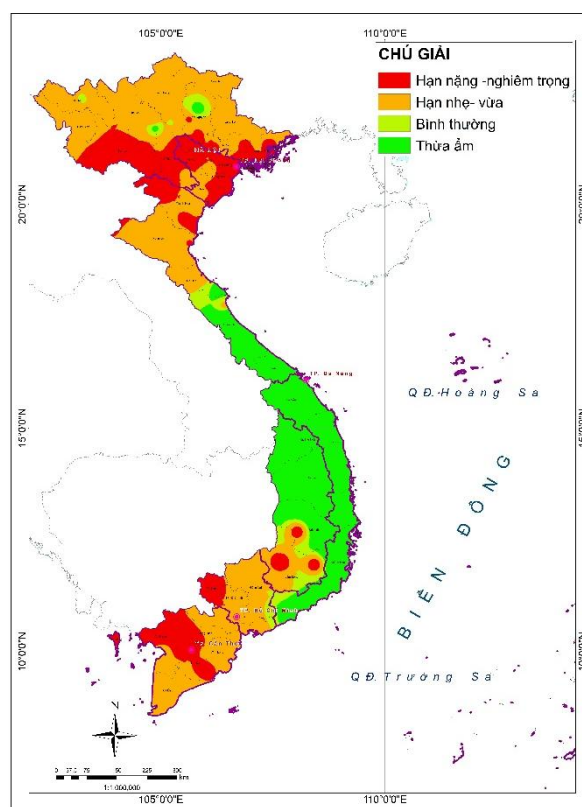
- Cà phê: Rệp sáp, rệp vảy, mọt đục thân/cành, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt.
- Hồ tiêu: Chết chậm, chết nhanh, tuyến trùng rễ, rệp sáp.
- Điều: Bọ xít muỗi, thán thư.
- Chè: Rầy xanh, bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, nhện đỏ, thối búp.
- Nhân, vải: Chổi rồng, sâu cuốn lá, sâu đo, thán thư.

Nhận định chung:

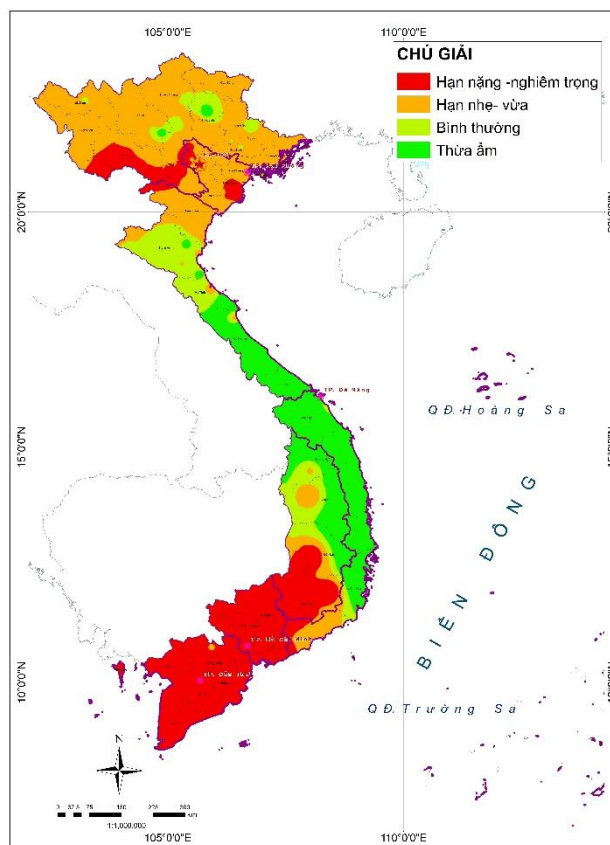
Trong các tháng 11,12 và tháng 1/2026, Bắc Bộ và Nam bộ là những khu vực dễ bị ảnh hưởng bất lợi, tình trạng khô hạn gia tăng, thiếu nước tạo điều kiện thuận lợi rầy nâu, bọ trĩ,v.v.. phát triển. Cây thiếu nước giảm khả năng quang hợp, vỏ lá mỏng, ít kháng thể hơn, nên dễ bị sâu hại tấn công (Bảng 6).



Tháng 11/2025



Tháng 12/2025



Tháng 1/2026

Hình 6. Dự báo khô hạn/ẩm ướt theo chỉ số hạn nông nghiệp tháng 11 đến tháng 1/2026

Bảng 5. Khả năng đáp ứng nhu cầu nước đối với cây lúa từ lượng mưa trong mùa tháng 11 đến tháng 1/2026

Vùng sinh thái	Trạm	thiếu (-)/Thừa (+) nước (m ³ /ha)			Khuyến cáo
		Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1	
ĐBSH	Sơn Tây	-44	+231	-321	Tháng 11: Thiếu hụt nước Tháng 12: Đủ ẩm Tháng 1: Thiếu hụt nước
	Hà Đông	+179	+375	-326	Tháng 11,12: Đủ ẩm Tháng 1: Thiếu hụt nước
	Hải Dương	-192	+222	-370	Tháng 11: Thiếu hụt nước Tháng 12: Đủ ẩm Tháng 1: Thiếu hụt nước
	Hưng Yên	+40	+239	-297	Tháng 10,11,12: Đủ ẩm
	Nam Định	-53	+280	-325	Tháng 11: Thiếu hụt nước Tháng 12: Đủ ẩm Tháng 1: Thiếu hụt nước
	Văn Lý	+4	+283	-327	Tháng 11,12: Đủ ẩm Tháng 1: Thiếu hụt nước
	Nho Quan	+48	+236	-339	Tháng 11,12: Đủ ẩm Tháng 1: Thiếu hụt nước
	Ninh Bình	-39	+290	-310	Tháng 11: Thiếu hụt nước

Vùng sinh thái	Trạm	thiếu (-)/Thừa (+) nước (m ³ /ha)			Khuyến cáo
		Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1	
					Tháng 12: Đủ ẩm Tháng 1: Thiếu hụt nước
ĐBSCL	Mộc Hóa	+441	-1230	-1497	Tháng 11: Đủ ẩm Tháng 12,1: Thiếu hụt nước
	Mỹ Tho	-193	-1194	-1459	Tháng 11,12,1: Thiếu hụt nước
	Cao Lãnh	+257	-1182	-1411	Tháng 11: Đủ ẩm Tháng 12,1: Thiếu hụt nước
	Càng Long	+69	-1196	-1491	Tháng 11: Đủ ẩm Tháng 12,1: Thiếu hụt nước
	Châu Đốc	+209	-1243	-1463	Tháng 11: Đủ ẩm Tháng 12,1: Thiếu hụt nước
	Cần Thơ	+145	-1247	-1459	Tháng 11: Đủ ẩm Tháng 12,1: Thiếu hụt nước
	Sóc Trăng	+184	-1223	-1456	Tháng 11: Đủ ẩm Tháng 12,1: Thiếu hụt nước
	Rạch Giá	+503	-1232	-1427	Tháng 11: Đủ ẩm Tháng 12,1: Thiếu hụt nước
	Bạc Liêu	+547	-1127	-1521	Tháng 11: Đủ ẩm Tháng 12,1: Thiếu hụt nước

Bảng 6. Tổng hợp thông tin thuận lợi/không thuận lợi đối với sinh trưởng và phát triển của một số cây trồng từ tháng 11 đến tháng 1 năm 2026

Vùng STNN	Cây trồng	Năm 2025											Năm 2026
		T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T1
TDMNPB	Lúa										TL		ITL
	Lúa nương												
	Ngô												
ĐBSH	Lúa										TL		ITL
BTB	Lúa												ITL
	Lạc												
DHNTB	Lúa											TL	TL

	Thanh Long											TL	TL	ITL
TN	Lúa												ITL	ITL
	Cà phê											ITL	ITL	ITL
ĐNB	Lúa											ITL	ITL	ITL
	Thanh Long											ITL	ITL	ITL
ĐBSCL	Lúa											ITL	ITL	ITL

Chú giải:

	Thời kỳ không gieo trồng
	Thời kỳ gieo trồng
	Thời kỳ sinh dưỡng
	Thời kỳ sinh thực
	Thời kỳ chín và thu hoạch
	Thời kỳ ra hoa, quả, thu hoạch

TL: Thuận lợi cho SXNN
ITL: Ít thuận lợi cho SXNN

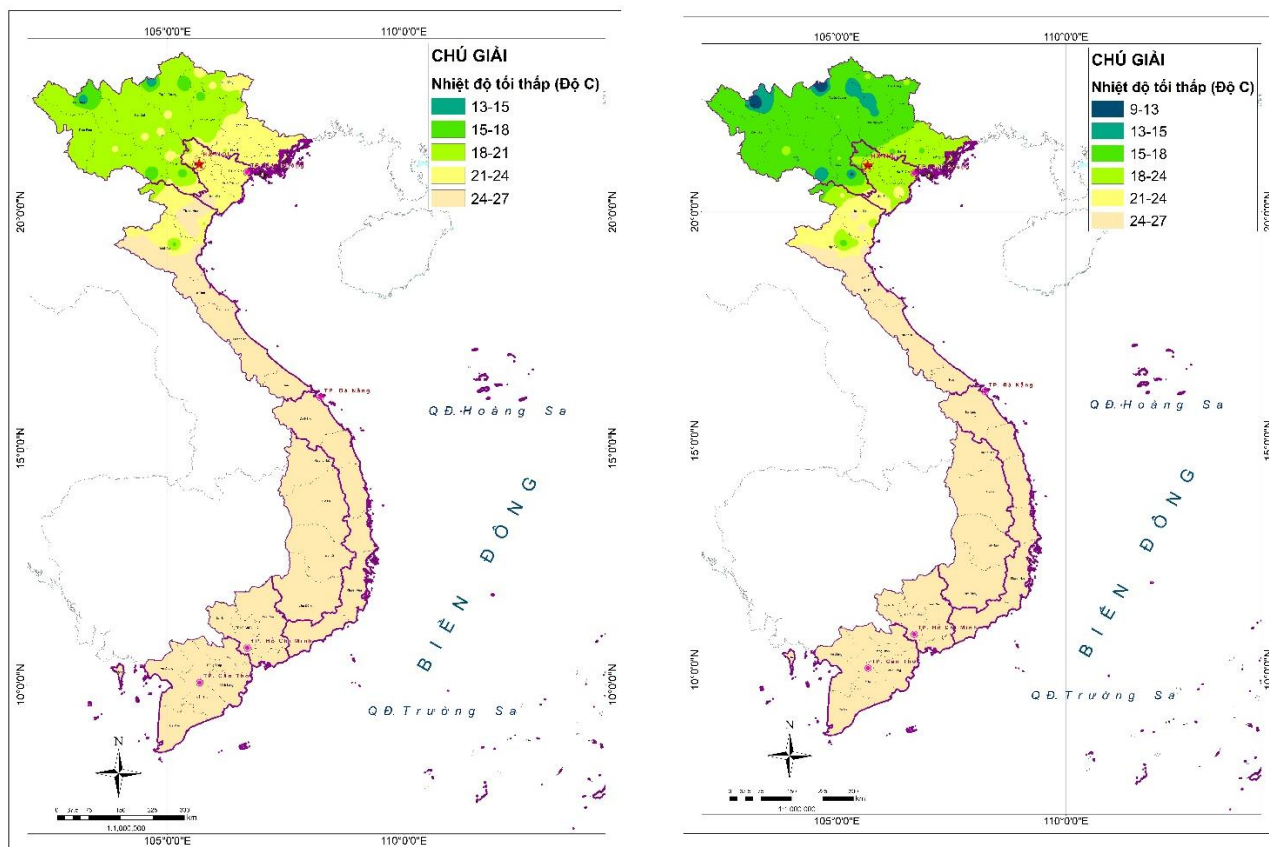
2.2.2. Rủi ro đối với vật nuôi

Trong các tháng 11/2025, Với thời tiết giao mùa, chênh lệch nhiệt độ ngày và đêm lớn tạo điều kiện thuận lợi cho bùng phát các loại dịch bệnh (bệnh tiêu hóa, truyền nhiễm) trong chăn nuôi (Hình 8).

Đến tháng 12 và tháng 1/2026, Tại khu vực Bắc Bộ nhiệt độ giảm mạnh xuất hiện tình trạng rét đậm tại một số khu vực TDMNPB gây ảnh hưởng đến sức khỏe vật nuôi.

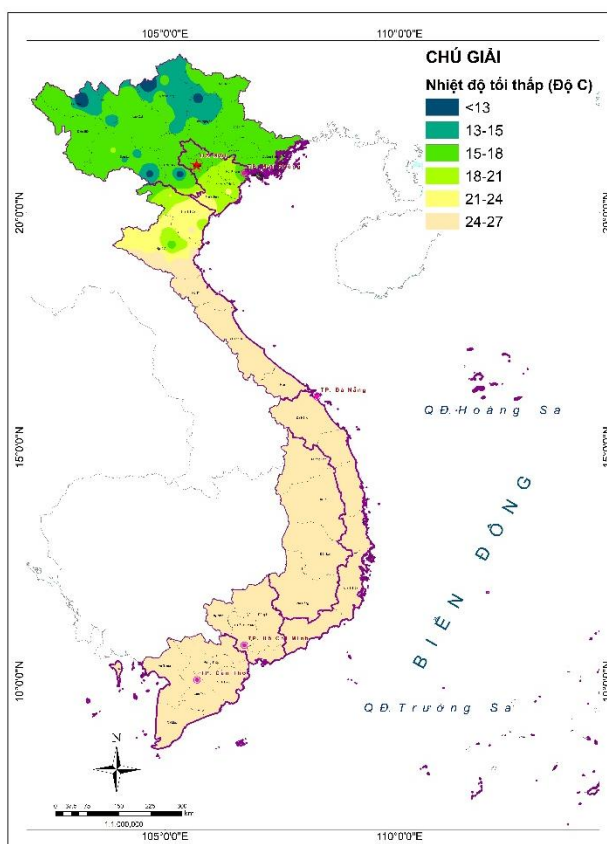
Dự báo chỉ số nhiệt - ẩm (THI) cho thấy phần lớn không còn tình trạng nắng nóng trên cả nước chỉ có khu vực Tây Nguyên và ĐBSCL bị ảnh hưởng nhẹ. Ảnh hưởng chủ yếu bao gồm:

- Giảm khả năng tiêu thụ thức ăn,
- Tăng nhịp tim và rối loạn hô hấp,
- Suy giảm sức đề kháng, ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trọng và năng suất chăn nuôi (Hình 8).



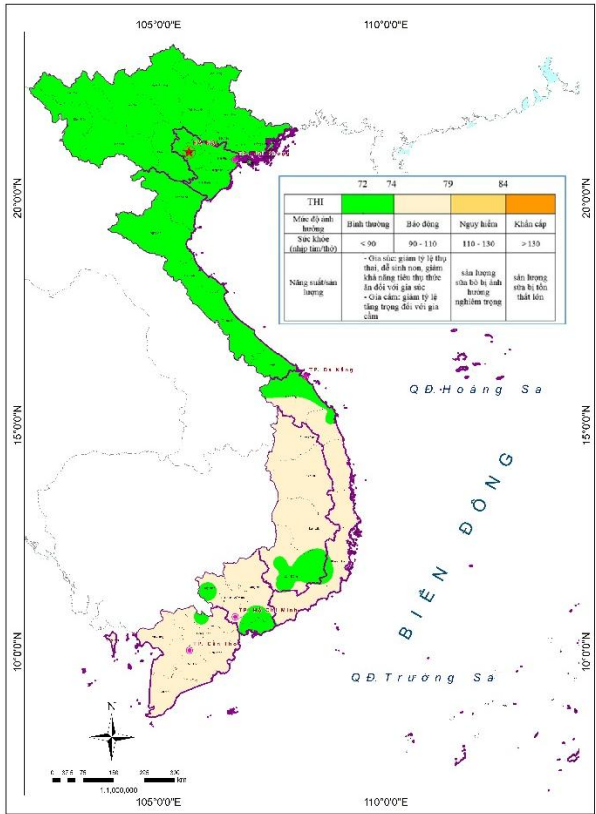
Tháng 11/2025

Tháng 12/2025

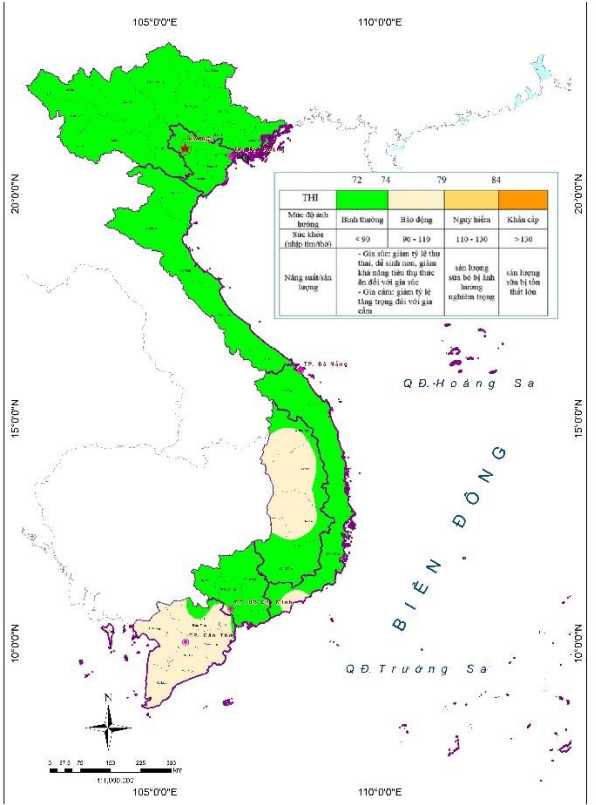


Tháng 1/2026

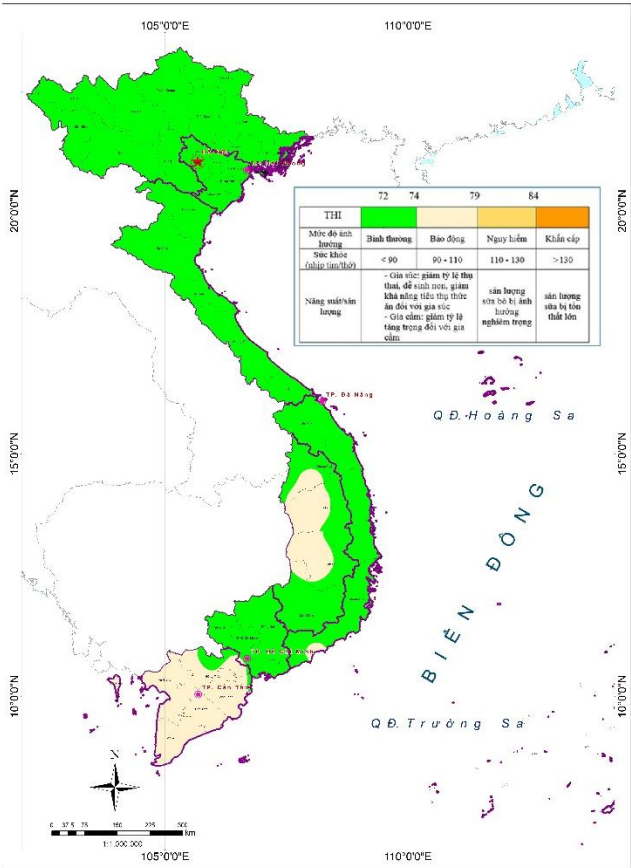
Hình 7. Dự báo nhiệt độ tối thấp (Tx) trung bình tháng 11 đến tháng 1/2026 (°C)



Tháng 11/2025



Tháng 12/2025



Tháng 1/2026

	72	74	79	84
THI				
Mức độ ảnh hưởng	Bình thường	Báo động	Nguy hiểm	Khẩn cấp
Sức khỏe (nhịp tim/thời)	< 90	90 - 110	110 - 130	> 130
Năng suất/sản lượng	- Gia súc: giảm tỷ lệ thụ thai, đẻ sinh non, giảm khả năng tiêu thụ thức ăn đối với gia súc - Gia cầm: giảm tỷ lệ tăng trọng đối với gia cầm		sản lượng sữa bò bị ảnh hưởng nghiêm trọng	sản lượng sữa bị tổn thất lớn

Hình 8. Nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và sản lượng của vật nuôi từ tháng 11 đến tháng 1/2026 dựa trên chỉ số THI

PHẦN III.

KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG 11 ĐẾN THÁNG 1 NĂM 2026

Dựa trên phân tích xu thế khí hậu và rủi ro khí hậu mùa vụ từ tháng 11 đến tháng 1/2026, các biện pháp kỹ thuật được khuyến nghị nhằm chủ động ứng phó và hạn chế thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp (Bảng 7), cụ thể như sau:

1. Trung du và miền núi phía Bắc

Tháng 12 có nguy cơ hạn vừa cần đảm bảo cung cấp đủ nước cho hoạt động gieo trồng.

Tháng 1 vào giai đoạn đẻ nhánh điều kiện khí hậu có nguy cơ hạn vừa và nặng cần đảm bảo duy trì ẩm hoặc ngập nông, đảm bảo mực nước

2. Đồng bằng sông Hồng

Tháng 11 lượng nước đáp ứng đủ nhu cầu trong giai đoạn phát triển của cây Lúa.

Tháng 12 có nguy cơ hạn nhẹ cần đảm bảo cung cấp đủ lượng nước tưới cho hoạt động gieo trồng, tháng 1 có nguy cơ hạn vừa và nặng cần đảm bảo độ ẩm và nguồn nước phục vụ các hoạt động sản xuất nông nghiệp

3. Bắc Trung Bộ

Tháng 12,1 có nguy cơ hạn nhẹ. Cần đảm bảo cung cấp đủ lượng nước, thuận tiện cho hoạt động gieo trồng và phát triển tốt của cây lúa.

4. Duyên hải Nam Trung Bộ

Đảm bảo duy trì ẩm hoặc ngập nông, đảm bảo mực nước đối với cây lúa, Thanh long cần tăng cường tưới bổ sung, chăm sóc sau thu hoạch bằng biện pháp tỉa cành và bón phân hữu cơ giúp phục hồi cây.

5. Tây Nguyên

Lúa: Cần đảm bảo tiêu thoát nước tốt, Duy trì mực nước từ 3-7 cm trên bề mặt ruộng.

Cà phê: Đảm bảo độ ẩm ổn định, đề phòng bệnh thán thư, rệp sáp, bón phân cân đối để quả phát triển tốt. Phòng ngừa các bệnh hại như thán thư, rệp sáp; bón phân cân đối.

6. Đông Nam Bộ

Với lúa, cần đảm bảo cung cấp đủ nguồn nước trong quá trình gieo trồng, và phát triển của cây

Với thanh long, cần đảm bảo đủ nước, đồng thời chăm sóc kỹ trong giai đoạn phát triển và thu hoạch quả để hạn chế bệnh thán thư và hại rệp.

7. Đồng bằng sông Cửu Long

Cần chủ động giữ mực nước ruộng hợp lý trong từng giai đoạn sinh trưởng.

Tháng 11, 12 cần bổ sung lượng nước tưới để đảm bảo cho cây sinh trưởng và phát triển tốt

Bảng 7. Tóm tắt các giải pháp giảm thiểu rủi ro khí hậu đối với cây trồng

Vùng	Cây trồng	Rủi ro khí hậu	Các giải pháp giảm thiểu rủi ro khí hậu đối với cây trồng		
			Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1
TDMNPB	Lúa	Tháng 11: Đủ ẩm Tháng 12: Thiếu hụt nước Tháng 1: Thiếu hụt nước	Thu hoạch xong	Giai đoạn: gieo cấy Đảm bảo cung cấp đủ nước cho hoạt động gieo trồng	Giai đoạn mạ-đẻ nhánh. Đảm bảo duy trì ẩm hoặc ngập nông, đảm bảo mực nước
	Ngô	Tháng 11: Đủ ẩm Tháng 12: Thiếu hụt nước Tháng 1: Thiếu hụt nước	- Giai đoạn chín, thu hoạch Đảm bảo độ ẩm vừa phải để quả phát triển tốt	Giai đoạn thu hoạch xong	Giai đoạn thu hoạch xong
ĐBSH	Lúa	Tháng 11: Đủ ẩm Tháng 12: Thiếu hụt nước Tháng 1: Thiếu hụt nước	Thu hoạch xong	Giai đoạn Gieo trồng Đảm bảo cung cấp đủ lượng nước tưới cho hoạt động gieo trồng	Giai đoạn mạ - đẻ nhánh Đảm bảo duy trì ẩm hoặc ngập nông, đảm bảo mực nước
BTB	Lúa	Tháng 11: Đủ ẩm Tháng 12: Thiếu hụt nước Tháng 1: Thiếu hụt nước	Thu hoạch xong	Giai đoạn Gieo trồng Đảm bảo cung cấp đủ lượng nước tưới cho hoạt động gieo trồng	Giai đoạn mạ - đẻ nhánh Đảm bảo duy trì ẩm hoặc ngập nông, đảm bảo mực nước
	Lạc	Tháng 11: Đủ ẩm Tháng 12: Thiếu hụt nước Tháng 1: Thiếu hụt nước	Giai đoạn thu hoạch xong	Giai đoạn thu hoạch xong	Giai đoạn: thu hoạch xong

Vùng	Cây trồng	Rủi ro khí hậu	Các giải pháp giảm thiểu rủi ro khí hậu đối với cây trồng		
			Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1
DHNTB	Lúa	Tháng 11: Đủ ẩm Tháng 12: Đủ ẩm Tháng 1: đủ ẩm	Giai đoạn gieo cấy Đảm bảo cung cấp đủ lượng nước tưới cho hoạt động gieo trồng	Giai đoạn mạ - đẻ nhánh Đảm bảo duy trì ẩm hoặc ngập nông, đảm bảo mực nước	Giai đoạn chắc xanh – thu hoạch Đảm bảo mực nước vừa phải, giữ ngập 3–5 cm
	Thanh Long	Tháng 11: Đủ ẩm Tháng 12: Đủ ẩm Tháng 1: đủ ẩm	Giai đoạn: Thu hoạch - chăm sóc sau thu hoạch	Giai đoạn: Thu hoạch - chăm sóc sau thu hoạch	Giai đoạn: Phát triển thân lá
Tây Nguyên	Lúa	Tháng 11: đủ ẩm Tháng 12: Thiếu hụt nước Tháng 1: Thiếu hụt nước	Giai đoạn thu hoạch xong	Giai đoạn lúa chín Giữ ẩm mặt ruộng hoặc ngập nông 2–3 cm giúp hạt chắc và chín đều	Giai đoạn: lúa chín – thu hoạch
	Cà phê	Tháng 11: đủ ẩm Tháng 12: Thiếu hụt nước Tháng 1: Thiếu hụt nước	Giai đoạn quả chín	Giai đoạn quả chín Đảm bảo độ ẩm ổn định, đề phòng bệnh thán thư, rệp sáp, bón phân cân đối để quả phát triển tốt	Giai đoạn: quả chín Đảm bảo độ ẩm ổn định, đề phòng bệnh thán thư, rệp sáp, bón phân cân đối để quả phát triển tốt
ĐNB	Lúa	Tháng 11: Đủ ẩm Tháng 12: Thiếu hụt nước Tháng 1: Thiếu hụt nước	Giai đoạn: Thu hoạch xong	Giai đoạn gieo trồng Cải tạo đất, Đảm bảo cung cấp đủ nguồn nước cho gieo trồng	Giai đoạn mạ - đẻ nhánh Đảm bảo duy trì ẩm hoặc ngập nông, đảm bảo mực nước
	Thanh Long	Tháng 11: Đủ ẩm Tháng 12: Thiếu hụt nước Tháng 1: Thiếu hụt nước	Giai đoạn: Chăm sóc - Phát triển thân, lá Đảm bảo đủ nước cho cây phát triển tốt	Giai đoạn phát triển quả Cải tạo đất, Đảm bảo cung cấp đủ nước cho quả phát triển	Giai đoạn phát triển quả Cải tạo đất, Đảm bảo cung cấp đủ độ ẩm cho quả phát triển

Vùng	Cây trồng	Rủi ro khí hậu	Các giải pháp giảm thiểu rủi ro khí hậu đối với cây trồng		
			Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1
ĐBSCL	Lúa	Tháng 11: đủ ẩm Tháng 12: Thiếu hụt nước Tháng 1: Thiếu hụt nước	Giai đoạn trổ bông – chắc xanh Đảm bảo mực nước vừa phải, giữ ngập 3–5 cm	Giai đoạn: chắc xanh – lúa chín Cải tạo đất, Đảm bảo cung cấp đủ nguồn nước cho gieo trồng	Giai đoạn: thu hoạch



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp,
Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu
Địa chỉ: Số 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Email: ktnn.imhen@mae.gov.vn